

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HD
TỈNH HD**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10/11/2017

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thời.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh HD tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2017/TLST- HNGĐ ngày 8 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1958.

ĐKKHKT: Số 02 Bùi Thị Xuân, phường Lê Thanh Nghị, thành phố HD, tỉnh HD.

Địa chỉ: Số 7B/123 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố HD, tỉnh HD.

Địa chỉ ở nhờ: Số 68 ngõ 37 phố Hàn Thượng, phường Bình Hàn, thành phố HD, tỉnh HD. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lê Viết B, sinh năm: 1955.

ĐKKHKT và chỗ ở: Số 7B/123 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố HD, tỉnh HD.

Ông Lê Viết B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Lê Viết B được tự do tìm hiểu 5 tháng thì cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Bình Trị Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế) vào ngày 24/9/1982. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B là người gia trưởng, nghiện rượu, hay gây sự và hành hạ bà. Vợ chồng không thông cảm và chia sẻ với nhau, mọi việc trong gia đình, một mình bà lo toan, gánh vác, ông B không có trách nhiệm với bà. Có lần ông B đánh đập bà khiến bà phải đi viện khám và điều trị. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên bà đã chuyển ra ở nhờ nhà chị Bùi Thị T từ ngày 24/8/2017 đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2014, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ông Lê Viết B trình bày về điều kiện kết hôn như bà T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc 32 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T không tôn trọng ông và gia đình ông. Vợ chồng xúc phạm lẫn nhau. Các con và gia đình bên nhà ông có khuyên nhủ vợ chồng nhiều lần để đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng không hạnh phúc là do lỗi của ông và bà T. Hai người đã sống ly thân 1 năm nay, bà T không còn ở cùng nhà với ông. Ông muốn vợ chồng sống ly thân và hai người không thể sống cùng nhà với nhau được nữa. Nếu bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc của ông bận, không có thời gian đến Tòa án nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các buổi xét xử và toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Bà T và ông B đều xác định có hai con chung là Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 28/3/1983 và Lê Viết Hải S, sinh ngày 29/7/1984. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên ông, bà không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà T và ông B đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T và ông B đều không có tài sản

riêng. Về nợ và cho vay chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Bà T và ông B đều xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của bà T, Tòa án tiến hành lấy lời khai của người thân trong gia đình ông, bà và khu dân cư nơi ông, bà cư trú thể hiện: Cuộc sống chung của ông, bà khoảng 4 - 5 năm nay không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông B thường xuyên uống rượu, vợ chồng không tôn trọng và xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng nặng nề và không thể hàn gắn được, ông bà đã sống ly thân. Từ ngày 24 tháng 8 năm 2017 đến nay, bà T không ở cùng nhà với ông B nữa mà bà ở nhờ nhà chị Bùi Thị T2. Chính quyền địa phương, an ninh khu dân cư đã hòa giải cho ông, bà nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quan điểm chung của gia đình ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà ly hôn do chung sống không hạnh phúc nhiều năm.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B còn ông B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung và tài sản chung, tài sản riêng, các khoản nợ và cho vay chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Bà T vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T xử cho bà T ly hôn với ông B và buộc bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Viết B xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông B tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Bà T và ông B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/1982 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Bình Trị Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế) là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của hai người khoảng 4 - 5 năm nay không có hạnh phúc. Nguyên nhân do ông B là người gia trưởng, thường xuyên uống rượu, vợ chồng không tôn trọng và xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng nặng nề và không thể hàn gắn được, ông, bà đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn được chính ông, bà và người thân trong gia đình ông, bà xác định do cả hai người gây lên. Từ ngày 24 tháng 8 năm 2017 đến nay, bà T không ở cùng nhà với ông B nữa mà bà ở nhờ nhà chị Bùi Thị T2. Điều đó chứng tỏ cuộc sống chung của hai người không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà T đã phải khước từ quyền được ở trong chính ngôi nhà của mình vì không thể ở cùng nhà với ông B được nữa. Mặt khác, chính quyền địa phương và người thân trong gia đình đã hòa giải cho ông, bà nhưng không thành. Nay, bà T xác định không còn tình cảm với ông B và kiên quyết xin ly hôn còn ông B cũng trình bày ông, bà không sống cùng nhà với nhau được nữa, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của bà T và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà T xin ly hôn ông B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông B đều xác định có hai con chung là Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 28/3/1983 và Lê Viết Hải S, sinh ngày 29/7/1984. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông B đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà T và ông B đều không có tài sản riêng; về nợ và cho vay chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, bà T và ông B đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho bà Lê Thị T ly hôn ông Lê Viết B.

- *Về án phí:* Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2014/0004559 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD. Bà Lê Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà T, vắng mặt ông B. Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố HD;
- Chi cục THADS TP. HD;
- Các đương sự;
- UBND phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Bình Trị Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế) để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh